

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

*V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Vân và ông Đặng Viết Côi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Minh Sỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1990 (có mặt)  
Nguyên quán và chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã Đ, huyện U, thành phố Hà  
Nội

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã K, huyện U, thành phố Hà Nội

**\* Bị đơn:** Anh Phùng Xuân T - sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã K, huyện U, thành phố Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn ly hôn, bản tự khai chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phùng Xuân T qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Đường năm 2018. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Chị cũng đã cố gắng nhẫn nhịn chung sống nhưng không được. Ngoài ra còn mâu thuẫn giữa chị với mẹ chồng và em chồng rất trầm trọng. Đặc biệt tháng 3/2020 do mẹ chồng và anh T chửi mắng đuổi chị ra khỏi nhà nên chị không thể bế con về. Chị đã rất Nlều lần đến xin anh T và mẹ

chồng để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng gia đình anh T không đồng ý. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị không thể quay về đoàn tụ, chị cương quyết xin ly hôn anh T. Về con chung: chị và anh T có 01 con chung là Phùng Tuệ N1 – sinh ngày 02/12/2018. Hiện cháu đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được nuôi cháu N1 vì cháu còn quá nhỏ và là con gái; khi chị bị đuổi ra khỏi nhà cháu còn chưa cai sữa, chị đã N1ều lần về thăm con nhưng gia đình anh T không cho thăm gặp; có lần chị bị gia đình anh T chửi đánh, ném đồ chị mang cho con. Vì vậy, chị đã có đơn đến UBND xã Kim Đường để can thiệp mới được thăm gặp con. Cháu còn quá bé nên chị tha thiết đề nghị Tòa cho chị được nuôi con. Chị cũng có chỗ ở ổn định, chị đang ở cùng với bố chị tại thôn Giang Triều, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Về mặt kinh tế hiện tại chị đang là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh đồ gia dụng thu nhập bình quân từ 10 đến 25 triệu/tháng đóng tại thôn Kiện Vũ, xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu đề nghị. Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Phùng Xuân T trình bày: Anh và chị N qua một thời gian tìm hiểu thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Đường năm 2018. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng liên tục mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống. Bản thân anh cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay thì không được. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Vì vậy, chị N cương quyết xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung như chị N trình bày là Phùng Tuệ N1 – sinh ngày 02/12/2018, hiện cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa cho anh được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con: Vì hiện tại anh đang làm kỹ thuật xây dựng mức lương trung bình 11.000.000đ/tháng; nhà cửa ổn định, mẹ anh còn trẻ khỏe nên sẽ hỗ trợ anh việc chăm sóc cháu; đồng thời cháu cũng đang ở ổn định môi trường sinh sống. Vì vậy, anh vẫn tha thiết xin nuôi cháu. Còn việc chị N trình bày, khi đến thăm gặp con bị cản trở; bản thân anh không ngăn cản, xong việc này là phát sinh giữa mẹ anh, em gái anh với chị N. Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Xuân T có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phùng Xuân T. Về

con chung, giao chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phùng Tuệ N1 – sinh ngày 02/12/2018; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi khác; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Phùng Xuân T. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Phùng Xuân T có đăng ký nơi cư trú: Thôn Cung Thuế, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội ngày 28/5/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; mâu thuẫn giữa mẹ chồng với nàng dâu. Vì nguyên nhân vậy nên vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; không có trách nhiệm với nhau. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa chị N và anh T liên tục xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân chính thì địa phương không nắm bắt rõ nhưng được biết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và mẹ chồng nàng dâu. Chị N về ngoại ở từ đầu năm 2020, N1ều lần chị N về xin đoàn tụ nhưng gia đình anh T không đồng ý. Nay chị N có đơn ly hôn, chính quyền địa

phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: Cuộc sống giữa chị N và anh T mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Chị N và anh T đều đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Xuân T có 01 con chung là cháu Phùng Tuệ N1 - sinh ngày 02/12/2018. Chị N và anh T đều đề nghị Tòa giải quyết cho mình được quyền nuôi con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng.

Xét về tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế cũng như địa lý bên nội, bên ngoại thì Hội đồng xét xử thấy: Hiện tại chị N có cửa hàng kinh doanh, anh T là cán bộ kỹ thuật; cả hai anh chị đều có thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng; đều đang ở cùng bố mẹ; chưa có nhà riêng. Như vậy về điều kiện kinh tế, chỗ ở ngang nhau. Chị N hiện tại đang ở Giang Triều, xã Đại Cường; anh T thì ở Cung Thuế, xã Kim Đường về địa lý thì cách nhau không xa (khoảng 3km) nên việc thăm nom con chung rất thuận tiện. Xong cháu N1 là con gái, mới được hơn ba tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ; đồng thời trong thời gian sống ly thân chị N vẫn thường xuyên đến thăm gặp con, mua quà cho con thì đều bị gia đình anh T cản trở; việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận tại biên bản xác minh. Địa phương cũng có quan điểm đề nghị Tòa giải quyết để đảm bảo quyền lợi người phụ nữ cũng như sự phát triển tâm sinh lý của con trẻ. Vì vậy, giao chị N nuôi cháu N1 là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi khác; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Xuân T đều không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phùng Xuân T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Xuân T có 01 con chung. Giao chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phùng Tuệ N1 - sinh ngày 02/12/2018; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có đề nghị thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Xuân T đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0057320 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Bích Hằng**